

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/KDTM-ST

Ngày 11-9-2020

V/v tranh chấp

hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Viễn Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thanh Hồng;

Bà Châu Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 31/2020/TLST-KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2020/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng N; trụ sở: đường T, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đào Văn S, sinh năm: 1961 (theo giấy uỷ quyền số 02053/2020-NTUO ngày 02/5/2020). (Có mặt)

- Bị đơn: Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư và phát triển T (tên cũ là Công ty TNHH đầu tư xây dựng tổng hợp T); trụ sở: đường I, Phường H, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Đoàn Thị Thu H, sinh năm: 1997 (theo giấy uỷ quyền ngày 08/7/2020). (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng N (sau đây gọi tắt là Công ty N), có ông Đào Văn S là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty NT có ký hợp đồng với Công ty TNHH đầu tư xây dựng tổng hợp T nay chuyển đổi là Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư và phát triển T (gọi tắt là Công ty T), hợp đồng số 090/HĐMB – NT/2019 ngày 13/11/2019 và phụ lục hợp đồng số 1 về việc mua bán bê tông và dịch vụ kèm theo cho công trình đối với dự án khu dân cư TM. Theo hợp đồng, Công ty N đã cung cấp bê tông trị giá 332.800.000 đồng, Công ty T đã thanh toán được 30.000.000 đồng, sau đó Công ty TT không thanh toán nữa. Sau khi nộp đơn khởi kiện, phía Công ty đã trả thêm được 60.000.000 đồng. Vì vậy số tiền còn lại Công ty T chưa thanh toán là 242.800.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi thì Công ty N chỉ yêu cầu Công ty T trả lãi từ ngày 01/02/2020 đến ngày 30/4/2020, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (0,75%/tháng), số tiền lãi: 8.588.760 đồng. Công ty N không yêu cầu tính lãi kể từ sau ngày 30/4/2020 đối với Công ty T. Vì vậy, số tiền cả gốc và lãi Công ty T phải trả cho Công ty N là: 251.388.760 đồng.

Yêu cầu Công ty T trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, không chấp nhận trả dần.

Tại bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, bà Đoàn Thị Thu H là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty T trình bày:

Công ty T xác nhận có ký hợp đồng với Công ty N số 090/HĐMB – NT/2019 ngày 13/11/2019 và phụ lục hợp đồng số 1 về việc mua bán bê tông và dịch vụ kèm theo cho công trình đối với dự án khu dân cư TM và còn nợ số tiền là 242.800.000 đồng. Đồng thời, Công ty T đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Do tình hình khó khăn trong kinh doanh nên yêu cầu được trả mỗi tháng 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Công ty T đề nghị Công ty N cho trả làm 2 lần, ngày 20/10/2020 trả 120.000.000 đồng, ngày 20/11/2020 trả hết số tiền còn lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền mua hàng còn nợ. Bị đơn có trụ sở tại quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

2.1 Về yêu cầu bị đơn Công ty T phải trả số tiền nợ gốc là 242.800.000 đồng:

Theo hợp đồng 090/HĐMB – NT/2019 ngày 13/11/2019 và phụ lục hợp đồng số 1 về việc mua bán bê tông và dịch vụ kèm theo, văn bản giải trình số 01/CV/TT/TA/NT/2020 ngày 16/6/2020 của Công ty TT, lời thừa nhận của hai bên đương sự tại Tòa đã đủ cơ sở xác định đây là sự thật, nguyên đơn không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở xác định Công ty T còn nợ Công ty N số tiền mua hàng là 242.800.000 đồng.

2.2 Về lãi chậm thanh toán:

Xét thấy, hai bên đương sự thống nhất Công ty T sẽ trả cho Công ty N số tiền lãi từ ngày 01/2/2020 đến ngày 30/4/2020 theo mức lãi là 10,8%/năm là 8.588.760 đồng. Sau ngày 30/4/2020 Công ty N không tính lãi với Công ty T. Do hai bên đã tự nguyện thỏa thuận về mức lãi suất phải trả, sự thỏa thuận này thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, có lợi cho bị đơn nên yêu cầu này được chấp nhận.

Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015: “1. Nghĩa vụ trả tiền phải thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác” và quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 50, khoản 1 Điều 55 Luật thương

mại năm 2005 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty NT buộc Công ty TT phải trả tiền nợ gốc và lãi là: 251.388.760 đồng.

2.3 Về thời hạn thanh toán:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện Công ty T đề nghị cho trả dần số nợ nhưng không được Công ty N chấp nhận nên không có cơ sở xem xét giải quyết.

Công ty N yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Do đó, đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử buộc Công ty T thanh toán ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 12.569.438 đồng theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng N.

Buộc Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư và phát triển T (tên cũ là Công ty TNHH đầu tư xây dựng tổng hợp T) phải thanh toán cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng N tiền nợ gốc là 242.800.000 đồng và tiền lãi là 8.588.760 đồng, tổng cộng: 251.388.760 đồng (hai trăm năm mươi một triệu ba trăm tám mươi tám

ngàn bảy trăm sáu mươi đồng) theo hợp đồng 090/HĐMB – NT/2019 được ký ngày 13/11/2019 và phụ lục hợp đồng số 1 giữa Công ty cổ phần đầu tư xây dựng NT và Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư và phát triển T.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư và phát triển T phải chịu tiền án phí là 12.569.438 đồng.

Hoàn lại cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng N số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 7.784.719 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0026156 ngày 22/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Viễn Thoa